

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN HOÀNG MAI
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 63/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 28/8/2024

V/v tranh chấp về ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HOÀNG MAI - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Bà Trần Thị Kim Cúc**

Các Hội thẩm nhân dân: **1. Bà Trần Thị Minh**
2. Bà Đào Minh C

Thư ký phiên tòa: **Ông Trần Hải Minh**

- Thư ký Tòa án nhân dân quận Hoàng Mai

Đại diện VKSND quận Hoàng Mai - TP Hà Nội tham gia phiên tòa:

Bà Nguyễn Thị Cẩm Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hoàng Mai - thành phố Hà Nội, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 431/2024/TLST - HNGĐ ngày 18 tháng 6 năm 2024 tranh chấp về ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 55/2024/QĐXXST - HNGĐ ngày 23 tháng 7 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 47/2024/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Ninh Thị D, sinh năm 1984(có mặt)

Bị đơn: Anh Nguyễn Công Đ, sinh năm 1981(vắng mặt)

Cùng trú tại: P 12A15 Toà Trung RC, phường HL, quận HM, Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Tại đơn khởi kiện gửi cùng các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, lời khai tại phiên tòa, nguyên đơn chị Ninh Thị D trình bày:**

- Về tình cảm: Chị Ninh Thị D và anh Nguyễn Công Đ kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Chu Minh, huyện Ba Vì, Hà Nội vào ngày 10/4/2008.

Tuy nhiên, trong quá trình chung sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, anh Đ nhiều lần dối lừa vợ về chuyện tình cảm, có dấu hiệu ngoại tình. Chị đã nói chuyện để anh Đ thay đổi nhưng anh vẫn không thay đổi. Về tài chính, anh Đ cũng không hỗ trợ giúp đỡ vợ, anh làm gì, thu nhập bao nhiêu chị không Đ biết. Vợ chồng đã nhiều lần cố gắng nói chuyện để hàn gắn tình cảm nhưng không thành. Nay chị xác định, tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt Đ. Đề nghị Toà án cho chị Đ ly hôn với anh Đ.

- **Về con chung:** Chị D xác nhận trong thời kỳ hôn nhân, anh chị có 02 con chung là cháu Nguyễn Ninh Bảo C, sinh ngày 08/7/2009 và cháu Nguyễn Ninh Bảo T, sinh ngày 24/7/2013. Sau khi ly hôn, chị D có nguyện vọng Đ trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cả hai con. Nếu không Đ thì chị có nguyện vọng Đ nuôi cháu Nguyễn Ninh Bảo T do hiện nay cháu còn nhỏ, cần sự chăm sóc của mẹ và không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con chung. Nếu Đ nuôi hai con, chị đề nghị anh Đ cấp dưỡng 3.000.000 đồng/ tháng/ con, hai con là 6.000.000 đồng/ tháng. Hiện tại chị dạy nghiệp vụ văn phòng tự do, thu nhập trung bình khoảng 20 triệu đồng/ tháng. Anh Đ hiện tại thu nhập bao nhiêu chị không năm Đ.

- **Về tài sản chung và nhà ở chung:** chị D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Về các khoản nợ chung:** chị D xác nhận không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Về án phí:** chị D tự nguyện nộp án phí ly hôn theo quy định.

* Bị đơn là anh Nguyễn Công Đ có ý kiến: quá trình kết hôn đúng như chị D trình bày, theo anh, cuộc sống có phát sinh mâu thuẫn nhưng anh không muốn ly hôn mà muốn tiếp tục hàn gắn, xây dựng tổ ấm và nuôi hai con khôn lớn trưởng thành. Nếu buộc phải ly hôn, anh muốn nuôi cả hai con. Về tài sản chung, nhà ở chung, nợ chung: không đề nghị giải quyết.

Tại phiên tòa: chị Ninh Thị D vẫn giữ yêu cầu xin ly hôn với anh Nguyễn Công Đ và các ý kiến đã trình bày trong quá trình giải quyết vụ án. Anh Nguyễn Công Đ vắng mặt tại phiên tòa nên không có ý kiến trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hoàng Mai tham gia phiên tòa phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự của các đương sự, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, đề xuất hướng giải quyết vụ án như sau:

+ Về tố tụng: Tòa án thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ pháp luật, xác định đúng tư cách người tham gia tố tụng, tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Hội đồng xét xử điều khiển phiên tòa theo đúng trình tự, thủ tục. Nguyên đơn chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung: Chị D và anh Đ có phát sinh mâu thuẫn, không thể hàn gắn nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị D, cho chị D ly hôn với anh Đ.

+ Về con chung: chấp nhận yêu cầu của chị D, giao cháu Nguyễn Ninh Bảo C, sinh ngày 08/7/2009 cho anh Đ trực tiếp chăm sóc, giao cháu Nguyễn Ninh Bảo T, sinh ngày 24/7/2013 cho chị D trực tiếp chăm sóc. Cấp dưỡng do chị D không đề nghị nên không xem xét.

+ Về tài sản chung và nhà ở chung: chị D không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

+ Về các khoản nợ chung: chị D xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

+ Về án phí: Chị D phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu trong hồ sơ vụ án, Đ thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

*** Về tố tụng:** chị Ninh Thị D xin ly hôn với anh Nguyễn Công Đ, chị D và anh Đ hiện trú tại P 12A15 Toà Trung Rice City, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, Hà Nội. Theo quy định tại khoản 1 điều 28, điểm a khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 đây là tranh chấp hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Hoàng Mai.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là anh Nguyễn Công Đ đã Đ Tòa án tổng đạt quyết định xét xử, quyết định hoãn phiên toà nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 điều 227, khoản 3 điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh Nguyễn Công Đ.

*** Về quan hệ hôn nhân:**

Chị Ninh Thị D và anh Nguyễn Công Đ kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Chu Minh, huyện Ba Vì, Hà Nội vào ngày 10/4/2008. Do vậy, hôn nhân là hợp pháp.

Căn cứ vào lời trình bày của chị D, lời khai của anh Đ và các tài liệu có trong hồ sơ thể hiện: quá trình chung sống, vợ chồng anh chị đã phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do vợ chồng không có sự quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, vợ chồng thiếu tin tưởng lẫn nhau. Toà án tiến hành hoà giải để vợ chồng đoàn tụ nhưng anh Đ không lên Tòa án để hoà giải chứng tỏ anh Đ không có thiện chí để cải thiện mối quan hệ vợ chồng, không có biện pháp nào để khắc phục tình trạng mâu thuẫn vợ chồng. Do vậy Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Ninh Thị D.

*** Về con chung:** Chị D và anh Đ xác nhận trong thời kỳ hôn nhân, anh chị có 02 con chung là cháu Nguyễn Ninh Bảo C, sinh ngày 08/7/2009 và cháu Nguyễn Ninh Bảo T, sinh ngày 24/7/2013. Sau khi ly hôn, chị D có nguyện vọng Đ trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cả hai con. Nếu không Đ thì chị có nguyện vọng Đ nuôi cháu Nguyễn Ninh Bảo T do hiện nay cháu còn nhỏ, cần sự chăm sóc của mẹ và không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con chung. Nếu Đ

nuôi hai con, chị đề nghị anh Đ cấp dưỡng 3.000.000 đồng/ tháng/ con, hai con là 6.000.000 đồng/ tháng. Hiện tại chị dậy nghiệp vụ văn phòng tự do, thu nhập trung bình khoảng 20 triệu đồng/ tháng. Anh Đ hiện tại thu nhập bao nhiêu chị không nắm Đ.

Anh Đ cũng có nguyện vọng Đ nuôi cả hai con nếu vợ chồng ly hôn.

Hội đồng xét xử nhận thấy, chị D và anh Đ vẫn sống chung cùng các con, anh Đ vẫn có việc làm, thu nhập để nuôi con, mặc dù không muốn ly hôn nhưng anh Đ vẫn có mong muốn Đ nuôi hai con nên Tòa án vẫn xem xét giao cháu Nguyễn Ninh Bảo C cho anh Đ trực tiếp chăm sóc để đảm bảo quyền lợi về mặt của con, đảm bảo quyền Đ làm cha của anh Đ và để anh Đ cùng phải có trách nhiệm gác vác việc nuôi con chung với chị D. Đối với cháu Nguyễn Ninh Bảo T, còn nhỏ vẫn cần có sự chăm sóc trực tiếp từ người mẹ nên giao cháu T cho chị D trực tiếp chăm sóc là phù hợp. Tạm hoãn việc cấp dưỡng của anh Đ và chị D cho đến khi con chung đủ tuổi trưởng thành hoặc cho đến khi có sự thay đổi khác.

*** Về tài sản chung và nhà ở chung:** chị D, anh Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

*** Về các khoản nợ chung:** chị D, anh Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

*** Về án phí:** Chị D phải nộp 300.000 đồng án phí LHST theo quy định của pháp luật.

*** Về quyền kháng cáo:** Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại điều 271, điều 273 bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điều 51,56 và điều 81,82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;
Căn cứ vào điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự

Căn cứ vào điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14;

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn yêu cầu xin ly hôn của chị Ninh Thị D. Chị Ninh Thị D Đ ly hôn với anh Nguyễn Công Đ.

2. Về con chung: Giao con chung là Nguyễn Ninh Bảo C, sinh ngày 08/7/2009 cho anh Nguyễn Công Đ trực tiếp chăm sóc, giao cháu Nguyễn Ninh Bảo T, sinh ngày 24/7/2013 cho mẹ là chị Ninh Thị D trực tiếp nuôi dưỡng kể từ ngày xét xử cho đến khi các con chung đủ tròn 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay

đôi khác. Người không trực tiếp nuôi con chung Đ quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc con chung không ai Đ cản trở.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: chị D không yêu cầu nên không xem xét.

4. Về tài sản chung và nhà ở chung: Chị D, anh Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

5. Về các khoản nợ chung: Chị D, anh Đ xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

6. Về án phí: Chị Ninh Thị D phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, Đ trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí chị D đã nộp tại biên lai số 0033900 ngày 18/6/2024 của C cục Thi hành án dân sự quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội. Chị D đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

7. Về quyền kháng cáo: Chị D có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Đ có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận Đ tổng đạt bản án hoặc bản án Đ niêm yết.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân TP Hà Nội; VKSNDTP Hà Nội;
- Viện kiểm sát nhân dân Q. Hoàng Mai; TP Hà Nội
- C cục Thi hành án dân sự Q. Hoàng Mai;
- Ủy ban nhân dân xã Chu Minh, huyện Ba Vì, Hà Nội.(Giấy chứng nhận kết hôn số 24/2008, quyển số 01 ngày 10/4/2008)
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Kim Cúc

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân TP Hà Nội; VKSNDTP Hà Nội;
- Viện kiểm sát nhân dân Q. Hoàng Mai; TP Hà Nội
- Cục Thi hành án dân sự Q. Hoàng Mai;
- Ủy ban nhân dân xã Xuân Hồng, quận Hai, Hà Nội;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

Trần Thị Kim Cúc

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

**THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

